

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 12/8/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Lập

Bà Nguyễn Bích Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Sơn Cẩm- Kiểm sát viên

Ngày 12/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 126/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân”.

Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 43/2023/HNGĐ-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2023/QĐXX-PT ngày 30/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2023/QĐ-HPT ngày 24/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2024/QĐ-HPT ngày 06/12/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 325/TB-TA ngày 12/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐ-HPT ngày 11/7/2024, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông V, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Thôn Kim thượng, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Anh X sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Kim thượng, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

2. Anh Đ, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Chi Đông, Mê Linh, Hà Nội.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Luật sư Nguyễn Văn Hiến và Luật sư Nguyễn Thị Minh Yến – Công ty luật TNHH Gia Võ, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt luật sư Hiến, vắng mặt luật sư Yến).

* **Bị đơn:** Bà Ng, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khôi 6, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Q, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP.Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** UBND huyện Sóc Sơn

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Minh – Chủ tịch,

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đăng Giang – Chuyên viên Phòng Tài nguyên môi trường huyện (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 8/11/2021 và những lời khai tiếp theo, ông V và đại diện theo ủy quyền của ông trình bày:**

Ông kết hôn cùng bà Ng vào năm 1969. Sau khi kết hôn, ông bà được UBND xã Phù Lỗ cấp 01 thửa đất thổ cư tại xóm Làng, khối 6, xã Phù Lỗ. Thửa đất có số thửa 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 351m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1991, trên thửa đất có 01 căn nhà được xây theo chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương.

Ngoài ra ông cũng tự khai hoang và được cấp 01 số thửa đất nông nghiệp, bao gồm: 48 m², tờ bản đồ số 4, xứ đồng Cửa Lãng; 384m², tờ bản đồ số 4, xứ đồng Chăm Trên; 288m², tờ bản đồ số 01, xứ Đồng Lác. Ông đề nghị chia đôi cả hai loại đất, ông được hưởng một nửa.

Ngày 27/10/2022, ông V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu chia đất nông nghiệp.

Ngày 19/04/2023, ông tiếp tục có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị chia đất sản xuất nông nghiệp đối với các thửa: Được chia ½ diện tích 240m² đất sản xuất nông nghiệp nằm trong 384m² tờ số 04, xứ đồng Chăm Trên và ½ diện tích 288m² đất sản xuất nông nghiệp. Tại phiên tòa, anh Xiêm thay đổi yêu cầu và chỉ đề nghị chia đôi đối với 288m² đất còn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp bà Ng đã chuyển nhượng, yêu cầu bà chi trả cho ông theo giá đất thời điểm hiện nay.

*** Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn là chị Q trong bản tự khai và các lời khai tiếp theo trình bày:**

Năm 1967, ông V là công nhân Cầu Đường, bà Ng là bộ đội dân quân, ông V và bà Ng có quan hệ tình cảm và ông V có theo bà Ng về ở chung tại Khối 6, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông V và bà Ng sinh được 02 người con:

1. Anh N, sinh năm 1971 (chết ngày 16/03/1994 không có vợ con).
2. Chị Q, sinh năm 1974.

Năm 1994, sau khi anh Nội mất thì ông V bỏ đi, khoảng 2 tháng sau có quay lại phá dỡ hai căn nhà trên diện tích đất mà bà Ng đang sinh sống.

Từ năm 1994 đến nay, ông V không còn chung sống với bà Ng, chuyển đi đâu

gia đình không biết. Quá trình chung sống ông V và bà Ng không có tài sản chung.

Đối với diện tích đất thổ cư tại thửa đất số 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 351m² và 288m² đất sản xuất nông nghiệp là tài sản riêng của bà Ng không liên quan đến ông V. Nguồn gốc thửa đất này là của mẹ đẻ bà Ng để lại. Năm 1991 thì Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ng. Mẹ đẻ bà Ng là cụ Tô Thị Xuyên, không rõ năm sinh, chết năm không rõ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất thổ cư tại thửa đất số 351 và 288m² đất sản xuất nông nghiệp như tôi đã trình bày là tài sản riêng của bà Ng không liên quan đến ông V.

*** Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Sóc Sơn, ông Ngô Đăng Giang vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông có lời khai:** Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 389, tờ số 05, diện tích 351m² tại Xóm Làng, xã Phù Lỗ cho bà Ng hiện Phòng tài nguyên môi trường huyện Sóc Sơn không lưu giữ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án số 43/2023/HNGĐ - ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội đã xử và quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 33; Điều 38; Điều 43, 44, 46 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2013. Điều 54 Luật đất đai năm 2013. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là nhà và đất ở tại thửa đất số 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 351m², địa chỉ khối 6, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn và đất sản xuất nông nghiệp tại xứ đồng Chăm và 288m² tại thửa 320, tờ bản đồ số 01 của ông V đối với bà Ng.

Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Sóc Sơn cấp cho bà Ng đối với thửa đất số 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 351m².

Buộc bà Ng thanh toán công sức cho ông V 50.000.000đ

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/8/2023, ông V kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị hủy án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ.

***Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Ông V là công nhân, khi về ở cùng với bà Ng vào khoảng thời gian từ năm 1967 đến năm 1969. Quá trình sinh sống cùng nhau,

ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn và sinh được hai người con là anh N, sinh năm 1971 (đã chết ngày 16/03/1994 không có vợ con) và chị Q, sinh năm 1974. Khi ông V về ở cùng với bà Ng đã được Hợp tác xã cấp đất ở và đất nông nghiệp. Năm 1993, ông V không làm công nhân nữa và bỏ việc không được hưởng chế độ gì. Tuy nhiên, tôi cũng không có tài liệu để xuất trình cho Tòa án. Sau khi anh Nội chết, đến cuối năm 1994, ông V không ở cùng với bà Ng nữa và trở về quê ở Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội. Năm 1995, ông V có lấy bà Nguyễn Thị Hải nhưng cũng không đăng ký kết hôn và sinh được một người con là anh Xsinh năm 1996. Ông V tiếp tục sinh sống như vợ chồng với bà Hải trên thửa đất của bà Hải từ đó tới nay. Trong thời gian sinh sống cùng với bà Ng, ông V và bà Ng có xây dựng được ba gian nhà tranh và một nhà đốt thuốc lá trên thửa đất đã được hợp tác xã chia cho ông bà. Đồng thời, Hợp tác xã cũng chia đất ruộng cho ông V và bà Ng. Mặt khác, phía bà Ng không cung cấp được tài liệu chứng minh về nguồn gốc thửa đất ở và đất nông nghiệp. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về trình tự, thủ tục tố tụng, không tuyên hủy các giấy chứng nhận đối với các tài sản trên, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác nhận diện tích đất ở, diện tích đất nông nghiệp là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông V bà Ng và chia cho ông V $\frac{1}{2}$ số tài sản này.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:** Ông V là công nhân, khi về ở cùng với bà Ng vào khoảng thời gian từ năm 1967 đến năm 1969. Quá trình sinh sống cùng nhau, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn và sinh được hai người con là anh N, sinh năm 1971 (đã chết ngày 16/03/1994 không có vợ con) và chị Q, sinh năm 1974. Đến cuối năm 1994, ông V đã không ở cùng bà Ng và bỏ đi đâu bà Ng không biết. Về nguồn gốc đất ở, bà Ng cho biết là do Hợp tác xã đã chia cho bà và mẹ bà là bà Tô Thị Xuyên (mất khoảng năm 1995 và cũng không làm thủ tục khai tử) trên thửa đất đã có ngôi nhà ba gian cấp 4 trước khi ông V về ở cùng với bà Ng. Hiện nay ngôi nhà ba gian cấp 4 đã xuống cấp và không còn nữa. Trong thời gian ông V ở cùng với bà Ng thì hai ông bà có xây dựng được một nhà đốt thuốc lá. Tuy nhiên, trước khi ông V bỏ đi, ông V đã phá dỡ nhà đốt thuốc lá này và đem toàn bộ nguyên vật liệu phá dỡ đi nơi khác mà bà Ng không biết ông V đem đi đâu. Về diện tích đất nông nghiệp, là do Hợp tác xã cấp cho bà Ng và mẹ bà Ng, ông V là công nhân nên không có tiêu chuẩn được cấp đất nông nghiệp. Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: ông V và bà Ng chung sống với nhau từ khoảng năm 1967 - 1969, không đăng ký kết hôn. Căn cứ quy định tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001 ngày 03/1/2001 của Tòa án tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000 thì quan hệ vợ chồng của ông V, bà Ng vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (năm 1969). Do đó, tài sản chung của vợ chồng được xác định theo quy định tại Điều 15 Luật HNGĐ năm 1959: *‘vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới’*.

Theo xác minh của Tòa án Sóc Sơn thì thửa đất thổ cư số 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 351m² có nguồn gốc là của Hợp tác xã giao cho mẹ con bà Ng với tiêu chuẩn hộ đơn thân trước khi ông V về chung sống cùng bà Ng. Khi ông V về chung sống cùng bà Ng có xây dựng được 01 lò sấy thuốc lá. Năm 1994 khi ông về Kim Lũ sinh sống đã phá vỡ lò thuốc lá này.

Xác minh tại UBND xã Phù Lỗ: *Tại GCNQSD đất cấp cho bà Ng sử dụng 591m² gồm có: thửa 389, tờ bản đồ 05 diện tích 351m² trong đó 200m² đất ở, 151m² đất vườn và 240m² đất kinh tế gia đình. Đối với 240m² đất kinh tế gia đình năm 1998 thực hiện giao đất theo ND/CP thì diện tích đất trên đã được rút ra để chia cho các hộ gia đình do đó diện tích đất trên không còn nằm trong GCNQSD đất số 537879 đã cấp cho bà Ng.*

Sơ đồ thửa đất do Công ty đo đạc đo vẽ hiện trạng ngày 26/5/2022 đang ghi hiện trạng là 511,3m², trong đó có 187,3m² của hộ liền kề là bà Cẩm. Như vậy hiện trạng diện tích đất bà Ng đang sử dụng chỉ còn 324m². Do đó yêu cầu của nguyên đơn đề nghị chia ½ diện tích 511,3m² là không có căn cứ nên không được chấp nhận

Do thửa đất số 389, tờ bản đồ 05 được xác định là của mẹ con bà Ng nên xác định ½ thửa đất này là tài sản của bà Ng, căn cứ điều 15 Luật HNGĐ năm 1959 thì ½ thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng ông V, bà Ng. Tuy nhiên, ông V đã bỏ đi không còn chung sống với bà Ng từ khoảng năm 1994, đã chung sống với người phụ nữ khác và có con riêng. Bà Ng là người quản lý, trông nom, tôn tạo thửa đất từ thời điểm đó đến nay. Xét nguồn gốc thửa đất là của mẹ con bà Ng được Hợp tác xã giao cho trước khi ông V chung sống với bà Ng. Bà Ng có công sức lớn hơn đối với khối tài sản này nên phân chia cho bà Ng ¾ giá trị tài sản, ông V nhận ¼ giá trị tài sản này. Do bà Ng đang sinh sống trên đất, có công sức lớn hơn nên giao toàn bộ thửa đất cho bà Ng tiếp tục quản lý, sử dụng và bà Ng có trách nhiệm thanh toán giá trị cho ông V số tiền 438.750.000 đồng. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về chia tài sản chung vợ chồng và sửa án sơ thẩm như nhận định trên.

Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang có tranh chấp thì theo quy định pháp luật thì đất sản xuất nông nghiệp được giao có thời hạn cho người trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với các cụ cao tuổi trong thôn đều xác định: Ông V là công nhân cầu đường, không phải là người địa phương nên không có tiêu chuẩn giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông V cũng xác nhận ông V làm công nhân cầu đường đến năm 1994.

Tại Điều 6 Quy định kèm theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp có quy định “*Đối tượng giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài là nhân khẩu nông nghiệp thường trú tại địa phương...*”. Đối với đất sản xuất nông nghiệp tại xã Phù Lỗ nói riêng được giao gần đây nhất là theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 và được triển khai vào các năm 1998-1999. Tại thời điểm giao đất ông V đã về xã Kim Lũ sinh sống. Qua xác minh tại địa phương thể hiện từ thời điểm ông V về chung sống cùng bà Ng tại xã Phù Lỗ, ông V chưa bao giờ được giao đất sản xuất nông nghiệp vì ông là công nhân. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia đất sản xuất nông nghiệp của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo nên được chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Theo Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định “Việc kết hôn phải được Ủy ban hành chính cơ sở nơi trú quán của bên người con trai hoặc bên người con gái công nhận và ghi vào sổ kết hôn. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị về mặt pháp luật”.

Theo Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/1/2001 của Tòa án tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật HNGĐ năm

2000 quy định: Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được xác định là hôn nhân thực tế và họ có nghĩa vụ đăng ký kết hôn cho đến ngày 01/01/2003. Trường hợp họ đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân được xác lập kể từ ngày họ về chung sống với nhau như vợ chồng.

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của ông V và bà Ng đều thể hiện ông V và bà Ng về chung sống với nhau từ năm 1969 đến năm 1994. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía ông V và bà Ng không xuất trình được giấy đăng ký kết hôn. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã cũng có văn bản ngày 17/04/2024 thể hiện trong sổ sách lưu trữ về hộ tịch thì không tìm thấy hồ sơ lưu trữ kết hôn giữa ông V và bà Ng.

Năm 1994, ông V không ở cùng bà Ng và về chung sống như vợ chồng với bà Lê Thị Hải (trú tại xã Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội) cho đến nay. Như vậy, ông V đã từ bỏ quan hệ hôn nhân thực tế này. Cho đến nay ông V và bà Ng cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa ông V và bà Ng không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

Mặt khác, tại Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định “ Đối với tài sản mà vợ hoặc chồng có trước khi kết hôn, tài sản được thừa kế riêng hoặc được cho riêng trong thời kỳ hôn nhân thì người có tài sản đó có quyền nhập hoặc không nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng”.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự thì khi ông V (lúc này là công nhân) về ở cùng bà Ng thì ông bà sinh sống trên thửa đất của bà Ng và mẹ bà Ng do Hợp tác xã cấp cho mẹ con bà Ng theo tiêu chuẩn hộ đơn thân tại thửa đất số 389, tờ bản đồ số 5. Năm 1991, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ng.

Căn cứ tài liệu hồ sơ của UBND xã thì không có tài liệu giao đất ở, cấp đất nông nghiệp cho ông V và bản thân ông V cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh việc giao đất ở, đất nông nghiệp này. Bản thân ông V là công nhân cầu đường, không phải là người địa phương nên không có tiêu chuẩn giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp. Ông V không xuất trình được tài liệu chứng minh việc bà Ng thỏa thuận đưa diện tích đất nói trên vào tài sản chung vợ chồng.

Căn cứ vào Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định “ Khi hôn nhân tồn tại, nếu một bên yêu cầu và có lý do chính đáng, thì có thể chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định ở Điều 42 của Luật này” và Điều 42 quy định “ Tài sản riêng của bên nào thì vẫn thuộc quyền sở hữu của bên ấy”.

Do đó có đủ căn cứ xác định thửa đất số 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 351m², địa chỉ khối 6, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn được mẹ bà Ng tặng cho bà Ng là tài sản riêng của bà Ng.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là đất ở, đất nông nghiệp và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật..

Về án phí: Do ông V là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông V. Giữ nguyên Bản án số 43/2023/HNGĐ - ST ngày 21/07/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

2. Về án phí: Ông V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND huyện Sóc Sơn, HN;
- Dương sự;
- Ưu: HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND huyện Sóc Sơn, HN;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

